

Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

NGÀNH LÚA GẠO

Tháng 6/2018

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Tiêu điểm trong tháng 6/2018

- Giá gạo xuất khẩu của Việt Nam và Thái Lan giảm, giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ ổn định trong tháng này.
- Sản lượng gạo thế giới có thể đạt 442,16 triệu tấn, giảm 1,95 triệu tấn so với dự báo tháng trước, nhưng vẫn cao hơn 1 triệu tấn so với sản lượng năm ngoái.
- Dự báo tiêu dùng gạo năm nay sẽ vượt sản xuất, nên tồn kho năm nay sẽ giảm 0,63 triệu tấn, đạt mức 129,9 triệu tấn.

Diễn biến giá cả trong tháng 6/2018

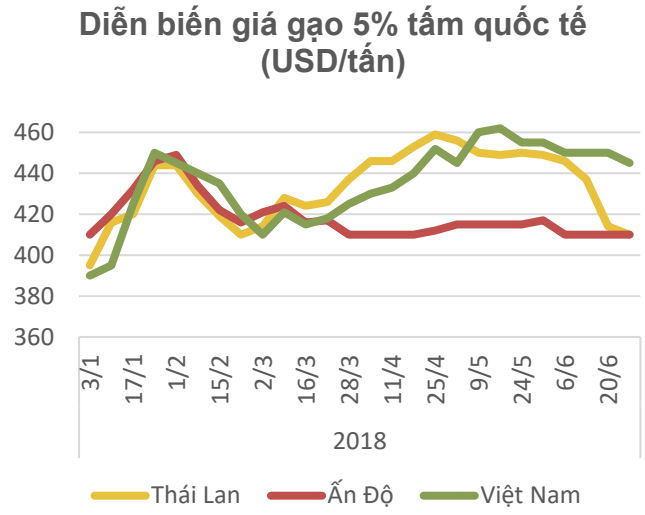
Trong tháng 6/2018, mức giá gạo 5% tấm tại các nước xuất khẩu lớn diễn biến trái chiều, ổn định tại Ấn Độ và giảm tại Thái Lan, Việt Nam, Pakistan.

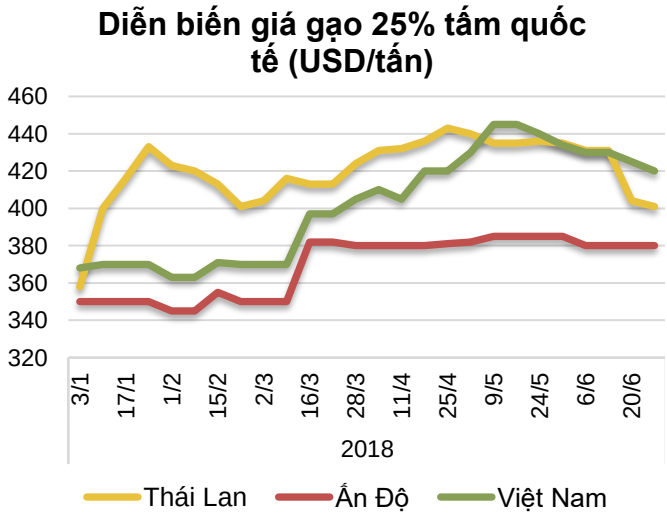
Giá gạo 5% tấm Thái Lan dao động trong mức 440-116 USD. Mức giá gạo trung bình tháng đạt mức 426 USD/tấn, giảm 5,33% so với giá trung bình tháng trước và giảm 5,43% so với cùng kì năm trước. Tuy giá gạo 5% tấm của Thái Lan đã giảm xuống mức thấp nhất năm 2018, nhưng theo nhận định của các quan chức Bộ Thương mại Thái Lan thì đây chỉ là đợt giảm giá tạm thời. Do việc thu mua đang chững lại sau khi doanh nghiệp gom đủ gạo cho các đơn hàng lớn sang Indonesia, Malaysia, Trung Quốc và Philippines. Xuất khẩu gạo 5 tháng đầu năm của Thái Lan đã tăng 4% so với cùng kì năm trước đạt mức 4,5 triệu tấn, cao hơn mức 2,96 triệu tấn của Việt Nam. Bên cạnh đó, do vụ thu hoạch hè thu của Việt Nam mới bắt đầu nên các nhà nhập khẩu có xu hướng chuyển sang mua gạo mới thu hoạch của Việt Nam. Cũng theo

các quan chức Bộ Thương mại Thái Lan, triển vọng giá gạo Thái Lan vẫn khá khả quan do Chính phủ đang tích cực xúc tiến thêm các hợp đồng Chính phủ (G2G). Mưa giảm trong thời gian tới cũng sẽ giúp các thương lái gạo vận chuyển gạo dễ hơn, nhờ đó giá gạo xuất khẩu và nội địa của Thái Lan có thể được cải thiện. [1]

Giá gạo 5% tấm tại Ấn Độ ổn định ở mức 410 USD/tấn, giảm 15,4 USD/tấn, tương đương giảm 1,3% so với mức giá trung bình tháng trước và giảm 7,08% so với cùng kì năm trước. Nguyên chính khiến giá gạo Ấn Độ giảm xuống mức thấp nhất kể từ đầu năm nay là do nhu cầu nhập khẩu từ châu Phi và Bangladesh vẫn ở mức thấp. Bên cạnh đó, việc đồng Rupee giảm giá mạnh so với đồng USD cũng giúp các nhà xuất khẩu gạo Ấn Độ giảm giá để thu hút thêm đơn hàng. Ngày 28/6, giá trị của đồng Rupee so với đồng USD đã giảm xuống mức thấp nhất trong 19 tháng trở lại đây, đạt mức 68,61 Rupee đổi 1 USD. [2]

Giá gạo 5% tấm tại Việt Nam duy trì trong khoảng 445-450 USD/tấn. Mức giá trung bình trong tháng của Việt Nam tăng 1,46% so với tháng trước và giảm 0,28% so với cùng kì năm trước, đạt mức 448 USD/tấn. Giá trung bình của gạo 5% tấm Pakistan đạt 445 USD/tấn, tăng 2 USD/tấn, tương đương tăng 0,4% so với tháng trước. Giá trung bình của gạo 5% tấm Campuchia loại chất lượng cao đạt 490 USD/tấn, giảm 5 USD/tấn, tương đương tăng 1% so với giá trung bình tháng trước.





Nguồn: Thai Rice Exporters Association

Giá gạo 25% tấm có xu hướng tương tự giá gạo 5% tấm, ổn định tại Ấn Độ và giảm tại Việt Nam, Thái Lan. Giá trung bình của gạo 25% tấm tại Thái Lan giảm đến 19,45 USD/tấn, tương đương tăng 4,6% so với tháng trước. Trong khi đó, giá trung bình của gạo 25% tấm của Việt Nam giảm 12,55 USD/tấn, tương đương giảm 2,9%. Mức giao động của giá gạo 25% tấm Việt Nam trong tháng vừa qua là khá hẹp 420-430 USD/tấn, trong khi giá gạo 25% tấm của Thái Lan giao động trong khoảng 401-431 USD/tấn. Giá gạo 25% tấm ổn định ở mức 380 USD/tấn trong cả tháng.

Tình hình sản xuất

Theo báo cáo Triển vọng ngành lúa gạo tháng 6/2018 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng gạo thế giới có thể đạt 442,16 triệu tấn, giảm 1,95 triệu tấn so với dự báo tháng trước, nhưng vẫn cao hơn 1 triệu tấn so với sản lượng năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu do năng suất trung bình giảm, bởi nước năng suất không cao là Ấn Độ tăng diện tích sản xuất mạnh, trong khi nước có năng suất cao như Trung Quốc và Ai Cập lại giảm mạnh diện tích sản xuất. Năng suất trung bình năm nay ước đạt 3,76 triệu tấn/ha. Diện tích sản xuất niên vụ 2017/18 ước đạt 161,6 triệu ha, giảm 0,86 triệu ha so với niên vụ 2018/19 và giảm 0,2 triệu ha so với niên vụ 2013/14.

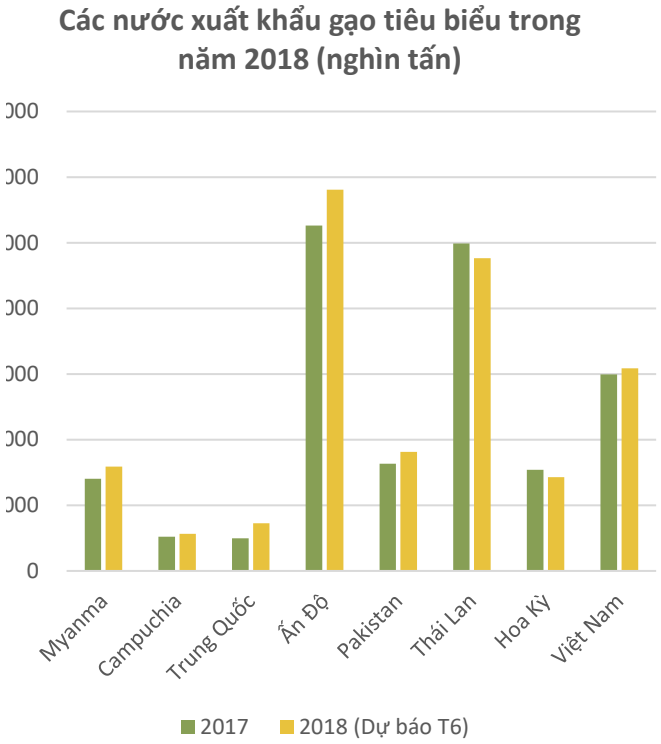
Dự báo sản lượng niên vụ 2018/19 sẽ sụt giảm nhiều nhất ở Trung Quốc, giảm 2,08 triệu tấn, đạt 129 triệu tấn, tương đương giảm 3% so với niên vụ trước. Theo thống kê của Chính phủ Trung Quốc, diện tích sản xuất của nước này hiện đtạ 29,5 triệu ha, giảm 0,5 triệu ha, tương đương giảm 2% so với năm trước. Do năm nay, Chính phủ nước này đã cắt giảm trợ giá gạo bởi dự trữ đang dư thừa. Tuy cắt giảm diện tích sản xuất, nhưng với năng suất trung bình ước đạt 6 tấn/ha, Trung Quốc có thể đảm bảo an ninh lương thực trong nước, mở rộng xuất khẩu, cũng như duy trì lượng dự trữ lớn trong năm nay.

Tình hình thương mại [3]

Dự báo thương mại gạo trong niên vụ 2018/19 ước đạt 44,9 triệu tấn, tăng 0,7 triệu tấn so với niên vụ trước.

Xuất khẩu gạo dự kiến tăng tại Campuchia, Trung Quốc, Ấn Độ, Paraguay, Pakistan, Việt Nam, Myanamar, Agrentian và Australia. Trong đó Pakistan và Việt Nam là nước tăng mạnh nhất, dự báo tăng 0,27 triệu tấn. Xuất khẩu gạo của Thái Lan trong năm nay dự báo giảm 0,99 triệu tấn, đạt mức 9,5 triệu tấn do Chính phủ đã bán gần hết gạo tồn kho chất lượng thấp và lúa tồn kho từ vụ trước. Dự báo trong năm 2018 và 2019, xuất khẩu gạo của Myanmar sẽ đạt 3,5 triệu tấn, bằng mới mức xuất khẩu kỷ lục của nước này vào năm 1941, trước Chiến tranh thế giới thứ II.

Nhập khẩu dự báo tăng tại Benin, Brazil, Burkina-Faso, Cameroon, Bờ Biển Ngà, Ai Cập, Iraq, Kenya, Malaysai, Nigeria, Ả Rập Sê Út, Senegal và Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất. Trong đó, nhập khẩu gạo dự kiến tăng mạnh nhất tại Nigeria, dự báo tăng 0,36 triệu tấn, đạt 2,72 triệu tấn. Nhập khẩu gạo của Indonesia dự báo tăng 1,49 triệu tấn, đạt mức 1,81 triệu tấn do. Nhập khẩu dự kiến giảm tại Bangladesh, Brazil, Trung Quốc, Liên minh EU, Iran, Madagascar, Sri Lanka. Nhập khẩu gạo của Bangladesh, một nhà nhập khẩu gạo lớn trong năm 2017 cũng được dự báo giảm 0,54 triệu tấn, đạt 1 triệu tấn do sản xuất của nước này đã phục hồi sau đợt lũ lụt lịch sử năm 2017.



Nguồn: USDA, 6/2018

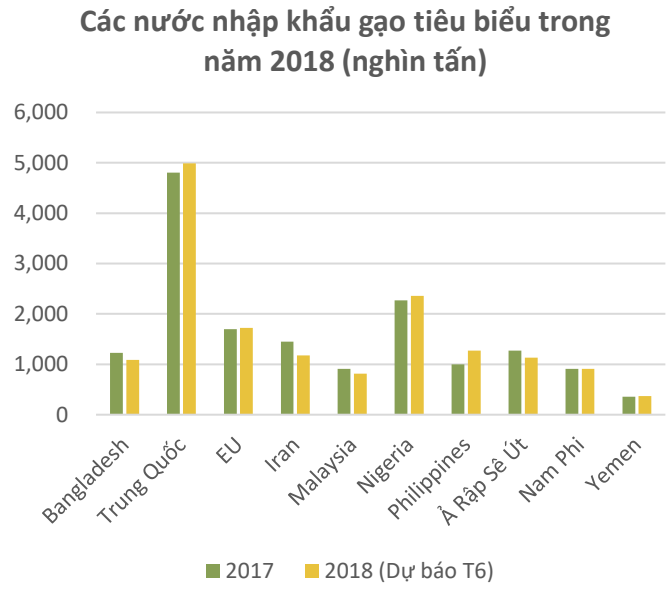
Một số diễn biến xuất khẩu trong tháng

- Theo ông Charoen Laothamatas, chủ tịch Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan, người tiêu dùng đang có xu hướng ưa chuộng gạo trắng cơm mềm hơn gạo trắng cơm cứng. Đây là một trong những lý do khiến Việt Nam dành được nhiều thị phần hơn trong thời gian gần đây. Việt Nam hiện đang sản xuất khoảng 7-8 triệu tấn gạo trắng cơm mềm mỗi năm. Trong khi Thái Lan hiện chủ yếu xuất khẩu loại gạo trắng cơm cứng 5% tấm với hàm lượng amylose 26-27%. Các nhà xuất khẩu Thái Lan đang xúc tiến hoạt động trồng các giống lúa gạo trắng mềm cơm, với hàm lượng amylose khoảng 17-19% để đón đầu nhu cầu tăng đối với phân khúc này trên thị trường thế giới. [3]

- Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan (TREA) vừa điều chỉnh mục tiêu xuất khẩu trong năm 2018 từ mức 9,5 triệu tấn lên 10 triệu tấn sau khi nhận thấy tình hình xuất khẩu gạo trong bốn tháng đầu năm nay tốt hơn kỳ vọng. Từ tháng 1 đến tháng 4-2018, Thái Lan đã xuất khẩu 3,31 triệu tấn gạo, tăng 38% so với tháng trước năm ngoái và vượt xa mức xuất khẩu của các nước khác trong cùng thời gian như Ấn Độ (3,21 triệu tấn), Việt Nam (1,61 triệu tấn) và Pakistan (1,28 triệu tấn). Hàng năm, chính phủ Thái Lan đều trích ngân sách hàng tỉ baht để mua khoảng 20% trong tổng sản lượng 25 triệu tấn lúa gạo mà nông dân Thái Lan sản xuất. Chính sách này giúp giá lúa gạo không rớt giá sâu mỗi khi vào vụ thu hoạch. Tuy nhiên, trong năm nay, nhờ triển vọng xuất khẩu tươi sáng, chính phủ Thái Lan có khả năng sẽ ngưng mua lúa gạo của nông dân theo chính sách trợ giá. Nhờ nhu cầu tăng mạnh bên ngoài, nhiều nhà xuất khẩu gạo Thái Lan đã ký trước các cam kết bán gạo. Bộ Thương mại Thái Lan và các nhà xuất khẩu gạo cho rằng nhu cầu gia tăng mạnh ở Đông Nam Á và châu Phi đã thúc đẩy hoạt động xuất khẩu gạo của Thái Lan. [4]

- Cơ quan Phát triển Xuất khẩu Nông sản và Thực phẩm Chế biến (Apeda) của Ấn Độ đang đàm phán để xuất khẩu gạo trực tiếp sang Trung Quốc. Trung Quốc đã chỉ định 14 nhà xuất khẩu Ấn Độ đủ khả năng xuất khẩu sang nước này. Việc đăng kí có thể bắt đầu vào cuối năm nay. Tuy mở rộng được thị trường mới, nhưng xuất khẩu gạo của Ấn Độ trong năm nay được dự báo sẽ giảm 10% do rào cản mới tại các thị trường xuất khẩu lớn của Ấn Độ là Bangladesh

và Liên minh châu Âu (EU). Bangladesh, nước chiếm 18% tổng lượng gạo non-basmati xuất khẩu trong năm ngoái của Ấn Độ, vừa áp thuế 28% lên gạo nhập khẩu đề bảo vệ nông dân trong nước, sau một vụ mùa bội thu. Trong khi đó, thị phần xuất khẩu basmati tại Liên minh châu Âu (EU) của Ấn Độ có thể mất hoàn toàn vào tay Bangladesh nếu gạo nước này không thể theo kịp các giới hạn mới về thuốc trừ sâu của Liên minh châu Âu (EU). Xuất khẩu basmati sang Liên minh châu Âu (EU) hiện đang chiếm gần 10% tổng lượng basmati xuất khẩu mỗi năm của Ấn Độ. [5]



Nguồn: USDA, 6/2018

Một số diễn biến nhập khẩu trong tháng

- Theo ông Lu Maw Myint Maung, tổng thư kí Hiệp hội Lúa gạo Myanmar, Bangladesh có thể mua 100,000 đến 200,000 tấn gạo từ nước này thông qua hợp đồng chính phủ (G2G) trong thời gian tới. Tính đến tháng 12/2017, tổng lượng gạo Bangladesh mua từ Myanmar thông qua hợp đồng chính phủ đã đạt 1,2 triệu tấn. Tính đến 11/5, trong năm tài khóa 2018-2019, Myanmar đã xuất khẩu được 270.000 tấn gạo, trị giá 96 triệu USD. Trong đó, 160.000 được xuất khẩu qua đường hàng hải và 110.000 tấn được xuất khẩu qua biên giới đường bộ. [6]

- Ai Cập từ một nước xuất khẩu gạo lớn tại thị trường Ả Rập, sẽ trở thành một nước nhập khẩu gạo kể từ năm sau. Để dành nước cho dự án đập dự trữ nước trị giá 4 tỷ USD, chính phủ Ai Cập đã quyết định giảm 50% diện tích canh tác lúa – loại cây trồng tiêu tốn nhiều nước. Dự báo trong năm sau, Ai Cập sẽ phải nhập khẩu 1 triệu tấn gạo để "cân đối thị trường". [7]

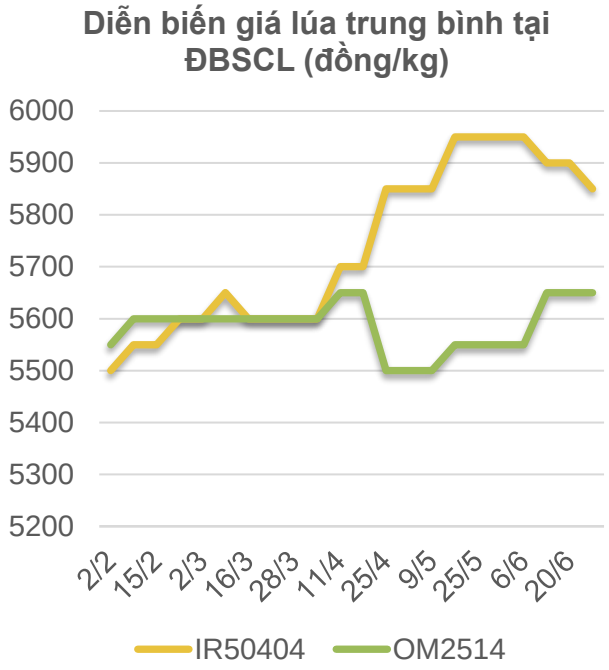
- Cơ quan lương thực quốc gia Philippines vừa thông báo hoãn buổi đấu thầu 805.200 tấn gạo (phẩm cấp từ gạo trắng 25% tấm trở lên) theo hạn ngạch (Minimum Access Volume – MAV) ngày 14/6 vào cuối tháng 6 để có thêm thời gian đánh giá các đơn vị tham gia. Hiện tại đã có 280 đơn vị được chấp thuận và vẫn còn nhiều đơn vị đang được đánh giá. Trong một thông báo vào cuối tháng 5, NFA cho biết các doanh nghiệp tư nhân có thể nhập khẩu với khối lượng tối đa 293.100 tấn gạo mỗi nước từ Việt Nam và Thái Lan, 50.000 tấn mỗi nước từ Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan, 15.000 tấn từ Úc, 4.000 tấn từ Elsalvado, và 50.000 tấn từ các nước khác. Các tổ chức nông dân có thể đăng ký nhập khẩu từ 500 đến 5000 tấn, trong khi các doanh nghiệp có thể nhập khẩu từ 1.000 đến 50.000 tấn. Thời gian nhập hàng đợt 1 từ tháng 7 đến hết tháng 8/2018, đợt 2 từ cuối tháng 12/2018 đến hết tháng 2/2019. [8]

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Tiêu điểm trong tháng 6/2018

- Giá lúa gạo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) hầu như không biến động.
- Diện tích gieo cấy lúa Đông xuân cả nước năm nay ước tính đạt 3.102,2 nghìn ha, bằng 99,6% so với tháng trước, năng suất ước đạt 66,2 tạ/ha, tăng 3,9 tạ/ha so với tháng trước.
- Theo Tổng cục Hải quan, tính đến ngày 15/6, xuất khẩu gạo trong tháng 6 đã đạt 301.756 tấn, trị giá 158,36 triệu USD.

Diễn biến giá cả trong tháng 6/2018



Nguồn: AGROINFO tổng hợp

Tháng 6/2018, thị trường lúa gạo tại các tỉnh ĐBSCL trầm lắng, giá lúa hầu như không biến động trong bối cảnh nguồn cung hạn chế

Các địa phương đã kết thúc thu hoạch lúa Đông Xuân, một số nơi đã thu hoạch lúa Hè Thu sớm.Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương:

+ Tại Vĩnh Long, lúa khô IR50404 ở mức 6.000 đ/kg.

+ Tại Kiên Giang, lúa IR50404 tăng 100 đ/kg lên mức 6.300 – 6.500 đ/kg; lúa OM ổn định ở mức 6.700 - 6.800 đ/kg; lúa OM 6976 ở mức 6.600 - 6.700 đ/kg; lúa Jasmine ổn định ở mức 6.600 – 6.800 đ/kg.

+ Tại Hậu Giang, giá lúa khô IR 50404 đạt 6.300đ/kg, lúa OM 4218 đạt 6.600đ/kg, lúa OM 6976 đạt 6.600đ/kg, không đổi so với tháng trước. Giá lúa tươi IR 50404 đạt 5.200 đ/kg, giảm 200 đ/kg so với tháng trước. Giá lúa tươi OM 4218 đạt 5.300đ/kg, giảm 300đ/kg so với tháng trước.

Nhìn lại 6 tháng đầu năm, thị trường lúa gạo có xu hướng tăng là do nhu cầu tiêu thụ tăng để trang trải các hợp đồng đã ký với Indonesia và Philippines. Trong đó, lúa thường tăng 100 – 200 đ/kg, lúa chất lượng cao tăng 400 – 500 đ/kg.

Tình hình sản xuất

+ Lúa Đông xuân: Diện tích gieo cấy lúa Đông xuân cả nước năm nay ước tính đạt 3.102,2 nghìn ha, bằng 99,6% so với tháng trước, năng suất ước đạt 66,2 tạ/ha, tăng 3,9 tạ/ha so với tháng trước; sản lượng đạt 20,5 triệu tấn, tăng 1,1 triệu tấn (tăng 5,7% so vụ Đông xuân năm trước và tăng cao nhất trong 10 năm trở lại đây).

Miền Bắc: Các địa phương phía Bắc đã gieo cấy đạt 1.127,6 ngàn ha, đạt 98,5% so với tháng trước năm trước, năng suất lúa Đông xuân ước đạt 63,7 tạ/ha, tăng 1,4 tạ/ha, tương đương tăng 2,3% so tháng trước; sản lượng ước đạt gần 7,2 triệu tấn, tăng 58,2 nghìn tấn, tương đương tăng 0,8%. Riêng tại vùng đồng bằng sông Hồng (ĐBSH), thời tiết nông vụ 6 tháng đầu năm thuận lợi, nguồn nước dồi dào, lúa được gieo cấy đúng khung thời vụ nên năng suất lúa các tỉnh đều tăng từ 0,1 đến 1,8 tạ/ha,

Miền Nam: Tổng diện tích xuống giống lúa Đông xuân đạt khoảng 1.974,6 triệu ha, tăng 0,2% so với tháng trước năm trước; năng suất bình quân ước đạt 67,8 tạ/ha, tăng 5,3 tạ/ha, tương đương tăng 8,5% so tháng trước; sản lượng ước đạt 13,37 triệu tấn, tăng 1.050,9 nghìn tấn, tương đương tăng 8,6%. Riêng tại vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), diện tích xuống giống lúa Đông xuân năm nay đạt 1.573,6 nghìn ha, giảm 5,6 nghìn ha, tương đương giảm 0,4% so tháng trước. Tình hình thời tiết vụ Đông xuân 2018 khá thuận lợi, không có mưa trái mùa khi lúa trỗ bông nên năng suất lúa năm nay đạt 69,3 tạ/ha, tăng 6,3 tạ/ha, tương đương tăng 10%; sản lượng đạt hơn 10,9 triệu tấn, tăng 950,5 nghìn tấn, tương đương tăng 9,6%. Hầu hết các tỉnh đều tăng năng suất, một số tỉnh năng suất tăng cao như Bến Tre tăng 12,3 tạ/ha, Kiên Giang tăng 10,5 tạ/ha, Đồng Tháp tăng 9,9 tạ/ha, Tiền Giang tăng 8,9 tạ/ha,… Tuy diện tích giảm nhưng do năng suất tăng cao nên sản lượng lúa đông xuân 2018 tăng so với tháng trước, các tỉnh có sản lượng tăng cao là Kiên Giang tăng 251,3 nghìn tấn, Đồng Tháp tăng 183,8 nghìn tấn, Long An tăng 131,3 nghìn tấn, Trà Vinh tăng 92,4 nghìn tấn.

+ Lúa Hè thu: Tính đến ngày 15/6, cả nước gieo trồng đạt 1,842 triệu ha lúa Hè thu, bằng 90,7% so tháng trước, trong đó vùng ĐBSCL đạt 1.460,4 nghìn ha, bằng 89,3%. Nhìn chung, tiến độ gieo trồng lúa Hè thu chậm so tháng trước do ảnh hưởng của lúa Đông xuân gieo trồng và thu hoạch muộn. Đến nay đã có 166,8 nghìn ha lúa Hè thu sớm chủ yếu tại các tỉnh ĐBSCL cho thu hoạch, bằng 52,6% so với tháng trước. Tình hình thời tiết rất thuận lợi thời điểm xuống giống, đồng thời được sự quan tâm của các ngành chức năng nên các loại cây trồng trong vụ Hè thu đang phát triển tốt, tuy nhiên tình hình mưa lớn kéo dài tại các tỉnh ĐBSCL trong những ngày qua đã phần nào ảnh hưởng đến việc thu hoạch các tiểu vùng có diện tích xuống giống Hè thu sớm, cũng như làm tăng tỷ lệ thất thoát trong thu hoạch, giảm năng suất cây trồng.

Tình hình dịch hại

Theo Cục Bảo vệ thực vật tình hình sâu bệnh trên cây lúa trong tháng 5 như sau:

***- Rầy hại lúa**:* Diện tích nhiễm 6.518 ha (giảm 1.000 ha so với kỳ trước, giảm 26.738 ha so với CKNT), nhiễm nặng 101 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam, Bắc Trung Bộ.

- Bệnh VL, LXL: Diện tích nhiễm 2.936,4 ha (giảm 401,5 ha so với kỳ trước, giảm 3.064 ha so với CKNT), nhiễm nặng 466,8 ha. Phân bố tại các tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp và Bạc Liêu.

Kết quả test elisa trong tuần: Kết quả phát hiện 8/75 mẫu rầy mang virus VL-LXL, chiếm tỷ lệ 10,67%. Số mẫu rầy này được lấy từ các tỉnh Vĩnh Long, Đồng Nai, Trà Vinh.

- Bệnh đạo ôn

+ Bệnh đạo ôn hại lá: Diện tích nhiễm 18.989 ha (giảm 894 ha so với kỳ trước, giảm 20.846 ha so với CKNT), nhiễm nặng 59 ha. Phân bố chủ yếu tại các phía Nam.

+ Bệnh đạo ôn cổ bông: Diện tích nhiễm 925 ha (giảm 161 ha so với kỳ trước, giảm 285 ha so với CKNT), nặng 01 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Diện tích nhiễm 8.167 ha (tăng 1.033 ha so với kỳ trước, giảm 16.785 ha so với CKNT), nặng 45 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- Sâu năn (muỗi hành): Diện tích nhiễm 246 ha (tăng 3 ha so với kỳ trước, tăng 241 ha so với CKNT). Chủ yếu tại các tỉnh phía Nam, trong đó có 09 ha tại Điện Biên và Lai Châu.

- Bệnh bạc lá: Diện tích nhiễm 3.435 ha (tăng 2.309 ha so với kỳ trước, giảm 1.347 ha so với CKNT), nặng 50 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Tiền Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, An Giang ...

- Bệnh khô vằn: Diện tích nhiễm 1.089 ha (giảm 12.537 ha so với kỳ trước, tăng 205 ha so với CKNT). Phân bố tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 5.778 ha (tăng 1.732 ha so với kỳ trước, giảm 492 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

***- Chuột**:* Diện tích hại 1.809 ha (tăng 42 ha so với kỳ trước, giảm 1.783 ha so với CKNT). Các tỉnh phía Nam, Bắc Trung Bộ.

***- Ốc bươu vàng**:* Diện tích hại 6.002 ha (giảm 199 ha so với kỳ trước, giảm 1.985 ha so với CKNT), nhiễm nặng 205 ha, phòng trừ 2.820 ha. Phân bố trên cả nước.

Các đối tượng sinh vật khác gây hại nhẹ như: Vàng lá sinh lý (1.224 ha), Bọ trĩ (1.140 ha, nhiễm nặng 02 ha)…

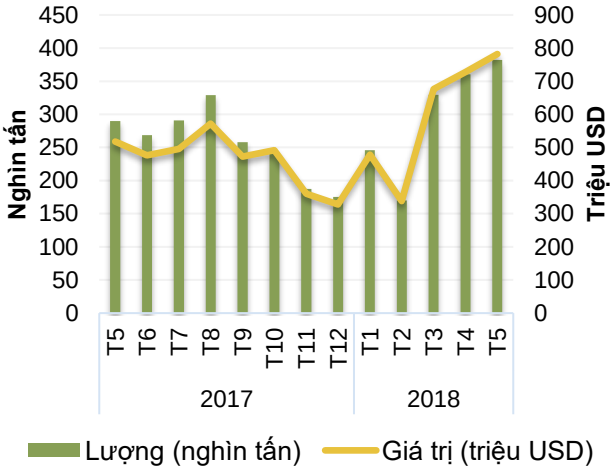
Tình hình xuất khẩu

Theo Tổng cục Hải quan, tính đến ngày 15/6, xuất khẩu gạo trong tháng 6 đã đạt 301.756 tấn, trị giá 158,36 triệu USD.

Cũng theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 5/2018 đạt 763.707 tấn, trị giá 391,38 triệu USD, giá trung bình 512,5 USD/tấn, tăng 5,9% về lượng, tăng 7,4% về kim ngạch và tăng 1,5% về giá so với tháng 4/2018 và cũng tăng tương ứng 31,8%, 51,4% và 14,9% so với tháng 5/2017.

Tỉnh chung cả 5 tháng đầu năm 2018 xuất khẩu gạo của cả nước đạt 2,96 triệu tấn, thu về 1,5 tỷ USD, tăng trưởng 25,7% về lượng, tăng 42,6% về kim ngạch so với tháng trước năm ngoái; giá trung bình đạt 505,1 USD/tấn, tăng 13,4%

Xuất khẩu gạo Việt Nam năm 2016-2018



Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Gạo của Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 844.097 tấn, tương đương 449,43 triệu USD, giảm 21,3% về lượng và giảm 7,9% về kim ngạch so với tháng trước năm ngoái, nhưng giá xuất khẩu lại tăng trên 17%, đạt 532,4 USD/tấn.

Indonesia là thị trường lớn thứ 2 tiêu thụ gạo của Việt Nam đạt 596.058 tấn, tương đương 280,04 triệu USD, tăng vượt bậc gấp 291 lần về lượng và gấp 269 lần về kim ngạch so với tháng trước, giá xuất khẩu đạt 469,8 USD/tấn, giảm 7,3%.

Tiếp đến thị trường Malaysia đạt 273.019 tấn, tương đương 122,4 triệu USD, tăng mạnh 150% về lượng và tăng 177,6% về kim ngạch, giá xuất khẩu tăng 10,9%, đạt 448,3 USD/tấn.

Đáng chú ý nhất là xuất khẩu sang thị trường Iraq tăng rất mạnh gấp 18,7 lần về lượng và gấp 25,7 lần về kim ngạch so với tháng trước năm ngoái, đạt 150.000 tấn, tương đương 85,56 triệu USD. Giá xuất khẩu tăng 37,6%, đạt 570,4 USD/tấn.

Xuất khẩu gạo sang thị trường Bangladesh mặc dù chỉ đạt 3.994 tấn, tương đương 1,57 triệu USD, nhưng so với tháng trước năm ngoái thì tăng gấp 90,8 lần về lượng và gấp 61,6 lần về kim ngạch. Tuy nhiên, giá xuất khẩu rất thấp 392,3 USD/tấn, giảm mạnh 30,1%.

Ngoài 3 thị trường tăng đột biến là I rắc, Indonesia và Bangladesh, thì lượng gạo xuất khẩu còn tăng tương đối tốt ở một số thị trường sau: Thổ Nhĩ Kỳ tăng 813,8%, đạt 4.377 tấn; Pháp tăng 294,4%, đạt 710 tấn; Mỹ tăng 135,9%, đạt 26.268 tấn; Ba Lan tăng 75,4%, đạt 1.110 tấn.

Ngược lại, lượng gạo xuất khẩu sụt giảm rất mạnh 81 – 96% ở các thị trường Brunei, Bỉ, Senegal, Chi Lê, Angola, Ukraine.

Bản tin được tổng hợp từ các nguồn:

Mục diễn biến giá quốc tế: Hiệp hội Các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan

Mục sản xuất và xuất khẩu toàn cầu: Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA)

[1]: Bangkoh Post

[2]: Economic Times

[3]: Reuters

[4]: Nikkei

[5]: Business Standard

[6]: Manila Times

[7]: Al Arabiya

[8]: Philstar

Mục giá cả trong nước: Cộng tác viên địa phương của Trung tâm Thông tin PTNNNT

Mục tình hình sản xuất và mục tình hình dịch bệnh: Báo cáo thống kê Bộ Nông nghiệp và PTNT

Mục tình hình xuất khẩu: Tổng cục Hải Quan Việt Nam





Bản tin được thực hiện bởi AGROINFO

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn